

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 470 /2024/DS-PT

Ngày: 06/9/2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng đặc cọc,
hợp đồng dịch vụ (san lấp mặt bằng)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 và 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: "Hợp đồng đặc cọc, hợp đồng dịch vụ (san lấp mặt bằng)".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 215/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 347/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số D L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981.

- Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Hồng T; Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, bà Lê Thị Tuyết H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngày 26/12/2021, anh Nguyễn Hồng T với chị Lê Thị Tuyết H, anh Nguyễn Văn T1 thỏa thuận hợp đồng bơm cát, san lấp thửa đất số 2527, diện tích 2.081,3m² của anh Nguyễn Hồng T; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, với số tiền là 230.000.000 đồng. Thỏa thuận đến ngày 15/4/2022 sẽ hoàn thành xong hợp đồng và giao mặt bằng cho anh Nguyễn Hồng T để anh T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh T2. Anh Nguyễn Hồng T có giao cho chị Lê Thị Tuyết H tiền cọc 80.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận. Tuy nhiên chị H, anh T không tiến hành bơm cát, san lấp thửa đất; không giao mặt bằng đúng hạn, nên anh T không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T2, anh Nguyễn Hồng T phải bồi thường cho ông T2 số tiền 1.200.000.000 đồng (trong đó số tiền đặt cọc 600.000.000 đồng và phạt cọc 600.000.000 đồng).

Ông Nguyễn Hồng T khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T1 liên đới trả lại cho anh Nguyễn Hồng T tiền đặt cọc 80.000.000 đồng, tiền phạt cọc 80.000.000 đồng; tổng cộng 160.000.000 đồng và bồi thường số tiền 600.000.000 đồng mà anh Nguyễn Hồng T đã bồi thường cho ông Nguyễn Minh T2 do không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông T2; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hồng T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị Lê Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T1 bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và đại diện bị đơn trình bày:***

Ngày 26/12/2021, chị Lê Thị Tuyết H, anh Nguyễn Văn T1 ký hợp đồng với anh Nguyễn Hồng T thỏa thuận bơm cát, san lấp thửa đất số 2527, diện tích 2.081,3m² của anh Nguyễn Hồng T; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, với số tiền là 230.000.000 đồng. Thỏa thuận đến ngày 15/4/2022 sẽ hoàn thành công việc bơm cát, san lấp. Chị Lê Thị Tuyết H có nhận số tiền cọc 80.000.000 đồng của anh Nguyễn Hồng T và đã thực hiện được 2/3 hợp đồng, chi phí và khối lượng cát đã san lấp là 150.000.000 đồng. Trước khi thực hiện bơm cát, san lấp bờ đê bao thửa đất 2527 đã bị bể. Trong thời gian bơm cát, san lấp chị H, anh T yêu cầu anh Nguyễn Hồng T gia cố, đắp lại bờ đê bao thửa đất để tiếp tục thực hiện bơm cát, san lấp; nhưng anh Nguyễn Hồng T không thực hiện; nên chị H, anh T ngừng không tiếp tục việc bơm cát, san lấp; nếu tiếp tục bơm cát thì không giữ cát lại được, bị trôi đi mất.

Chị Lê Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T. Đề nghị anh Nguyễn Hồng T gia cố, đắp lại bờ đê bao thửa đất số 2527 để chị Lê Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T1 tiếp tục thực hiện bơm cát, san lấp thửa đất số 2527, diện tích 2.081,3m² cho anh Nguyễn Hồng T.

Bản án sơ thẩm số 215/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ: - Điều 500, 513 Bộ Luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

- Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Tiếp tục duy trì biện pháp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2023/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây cho đến khi án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo việc thi hành án.

- Không chấp nhận anh Nguyễn Hồng T yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H bồi thường số tiền 600.000.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T, về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 05/6/2024, ông Nguyễn Hồng T kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng T.

Ngày 10/6/2024, ông Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các đương sự nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng đặc cọc và hợp đồng dịch vụ (san lấp mặt bằng)” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Lê Thị Tuyết H phải trả cho ông Nguyễn Hồng T 80.000.000đồng tiền đặt cọc; phạt cọc 80.000.000đồng và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng 600.000.000đồng, xét thấy:

Xét các đương sự đều thừa nhận, ngày 26/12/2021, anh Nguyễn Hồng T với chị Lê Thị Tuyết H, anh Nguyễn Văn T1 có thỏa thuận hợp đồng bơm cát, san lấp mặt bằng thửa đất số 2527, diện tích 2.081,3m² của anh Nguyễn Hồng T, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, giá trị hợp đồng 230.000.000 đồng; thỏa thuận

đến ngày 15/4/2022 sẽ hoàn thành công việc san lấp mặt bằng, giao mặt bằng cho anh Nguyễn Hồng T; anh Nguyễn Hồng T đặt cọc cho chị Lê Thị Tuyết H, anh Nguyễn Văn T1 số tiền 80.000.000đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng bơm cát san lấp mặt bằng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết trên là đúng sự thật.

Xét thỏa thuận đặt cọc theo giấy biên nhận nhận tiền đặt cọc ngày 26/12/2021 và 05/4/2022, thể hiện bên nhận đặt cọc đã nhận 80.000.000đồng tiền đặt cọc và cam kết đến ngày 15/4/2022 bên nhận cọc có nghĩa vụ thực hiện hoàn thành hợp đồng san lấp cát và bàn giao mặt bằng cho bên đặt cọc.

Xét kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và lời khai của những người làm chứng sống gần thửa đất thể hiện, chị H và anh T1 sau khi nhận cọc có tiến hành bơm cát, san lấp nhưng trong thời gian bơm cát, san lấp do bờ đê bao thửa đất đã bị bể, nên chị H, anh T1 ngưng thực hiện bơm cát, san lấp. Xét thấy, đến thời hạn cam kết ngày 15/4/2022, bên nhận cọc không thực hiện xong hợp đồng, không bàn giao mặt bằng cho bên đặt cọc như đã cam kết.

Xét chị H và anh T1 cho rằng lý do không tiếp tục thực hiện hợp đồng là vì bờ đê bao thửa đất số 2527 của anh Nguyễn Hồng T đã bị bể nhưng anh Nguyễn Hồng T không gia cố, đắp bờ đê bao thửa đất nên không thực hiện hợp đồng san lấp được. Xét thấy, chị H, anh T thừa nhận khi đi khảo sát đã biết rõ thửa đất có đoạn đê bao đã bị bể từ trước, nhưng khi giao kết hợp đồng bơm cát, san lấp hai bên không thỏa thuận trách nhiệm gia cố, đắp đê bao là nghĩa vụ của bên nào; chị H và anh T vẫn đồng ý nhận cọc và cam kết sẽ tiến hành thực hiện bơm cát phủ mặt bằng và hoàn thành vào ngày 15/4/2022. Như vậy, chị H, anh T phải có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ các công việc phát sinh để phục vụ cho việc bơm cát san lấp mặt bằng nhưng chị H, anh T không thực hiện gia cố bờ bao dẫn đến không thực hiện việc bơm cát được và không hoàn thành hợp đồng đúng hạn cam kết là do lỗi của chị H, anh T.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 328 Bộ luật dân sự, anh Hồng T yêu cầu chị H, anh T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Hồng T số tiền nhận cọc là 80.000.000đồng và phạt cọc 80.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi phạt cọc của anh Hồng T là không phù hợp.

Xét anh Nguyễn Hồng T cho rằng, do chị H, anh T vi phạm không thực hiện hợp đồng bơm cát, san lấp và không giao mặt bằng cho anh đúng hạn ngày 15/4/2022 làm cho anh vi phạm hợp đồng đặt cọc với anh Nguyễn Minh T2 và bị phạt cọc 600.000.000đồng là gây thiệt hại cho anh nên yêu cầu chị H, anh T phải bồi thường thiệt hại 600.000.000đồng. Xét chị H và anh T có lỗi không giao mặt bằng cho anh Hồng T đúng hạn ngày 15/4/2022 là vi phạm thỏa thuận đặt cọc nên phải chịu phạt cọc theo quy định Điều 328 Bộ luật dân sự. Xét anh Hồng T và chị Tuyết H, anh Văn T1 khi giao kết hợp đồng san lấp mặt bằng không có lập thành văn bản, không có thỏa thuận quyền và nghĩa vụ của các bên, không thỏa thuận mức phạt vi phạm và mức bồi thường thiệt hại khi anh Hồng T thỏa thuận

với bên thứ ba. Xét thấy, khoản tiền 600.000.000đồng anh Hồng T yêu cầu bồi thường không phải là thiệt hại thực tế do chị H và anh T trực tiếp gây ra như tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu thập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút theo quy định Điều 361 Bộ luật dân sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Hồng T về việc buộc chị H, anh T phải bồi thường số tiền 600.000.000đồng là có căn cứ.

[3.2] Xét anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H kháng cáo không đồng ý trả tiền đặt cọc 80.000.000đồng cho anh Hồng T, xét thấy:

Xét chị H, anh T cho rằng đã thực hiện bom cát khối lượng khoảng 2/3 hợp đồng, chi phí công việc, khối lượng cát đã san lấp số tiền 150.000.000 đồng, nhưng chị H, anh T không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Chị H, anh T cũng không có đơn phản tố yêu cầu buộc ông Hồng T hoàn trả giá trị khối lượng cát đã san lấp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp quy định pháp luật. Nếu chị H, anh T có yêu cầu hoàn trả số lượng cát đã san lấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Chị H, anh T kháng cáo không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hồng T nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và không phù hợp với nhận định trên nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng T; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T1.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm nên các những người kháng cáo không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 328, Điều 361, Điều 513, 517 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng T; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 215/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

- Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 80.000.000 đồng đặt cọc và 80.000.000 đồng phạt cọc, tổng cộng là 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng T về việc buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H bồi thường thiệt hại số tiền 600.000.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T, về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị Tuyết H phải liên đới chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.600.000 đồng theo biên lai số 0026643 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên hoàn lại cho anh Nguyễn Hồng T 15.600.000 đồng.

H1 lại anh Nguyễn Hồng T 300.000 đồng tạm án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009497 ngày 05/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

H1 lại anh Nguyễn Văn T1 300.000 đồng tạm án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009505 ngày 10/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G

H1 lại Lê Thị Tuyết H 300.000 đồng tạm án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009506 ngày 10/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Nhân